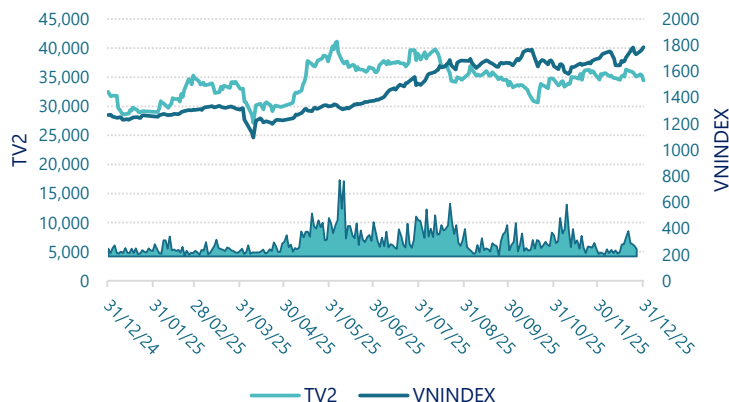




CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (HSX: TV2)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,130
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,128
SL cổ phiếu LH	67,526,165
KLGD BQ 20 phiên (CP)	178,410
% sở hữu nước ngoài	7.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,326
P/E	24.6
EPS	1,399

DT thuần

Q4/25

537

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 283 | 111%

YoY: ▲ 93.0 | 20.9%

LN sau thuế

Q4/25

49.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.6 | 265%

YoY: ▲ 29.1 | 146%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.1%

+/- YoY: ▲ 2.5%

DT thuần

2025

1,306

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 30.0 | -2.2%

LN sau thuế

2025

95.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.7 | 47.5%

ROE

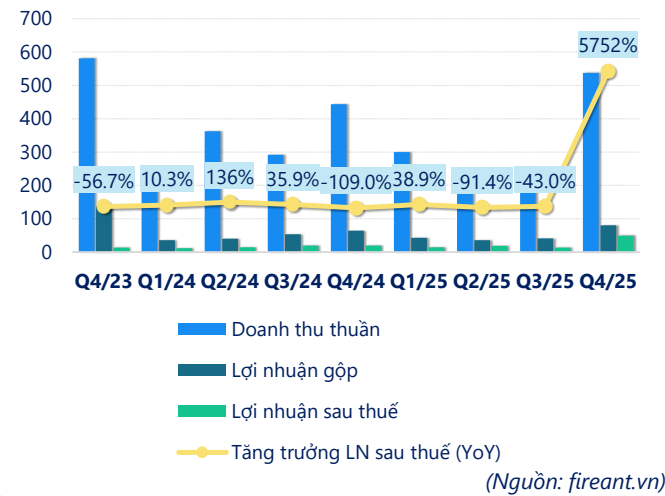
2025

7.1%

+/- YoY: ▲ 2.2%

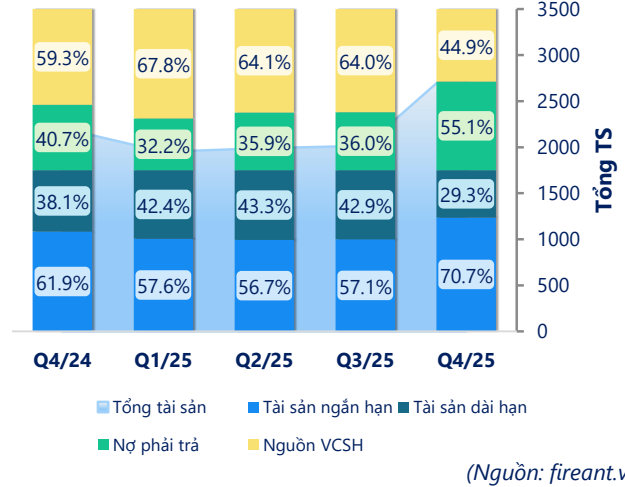
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

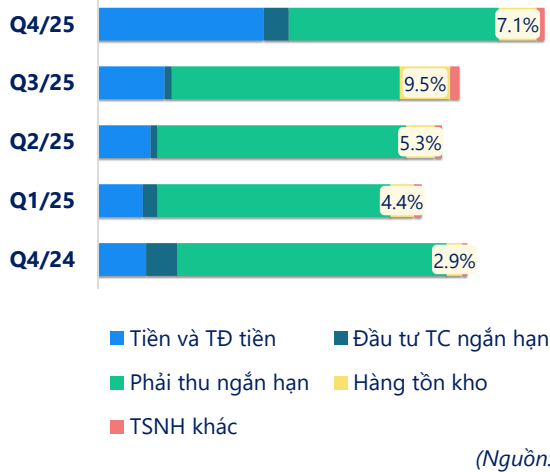


Cơ cấu Tổng tài sản

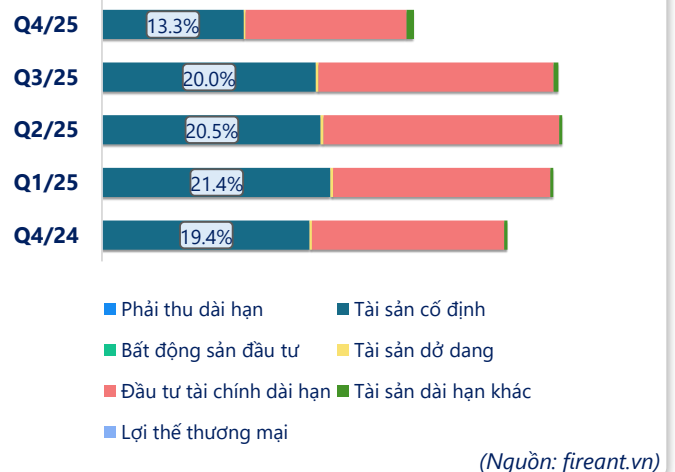
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

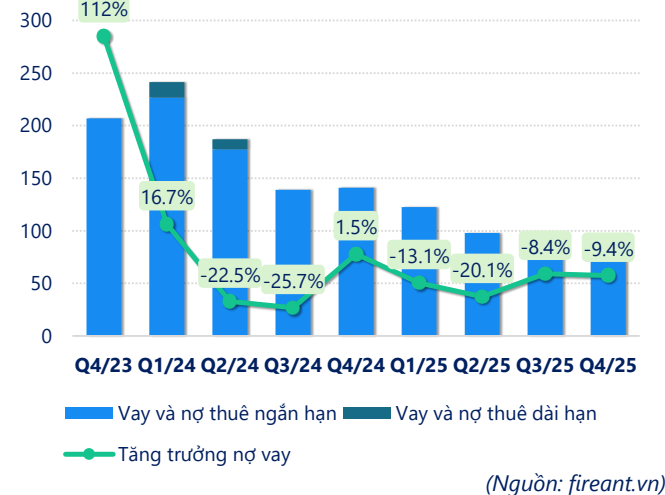


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



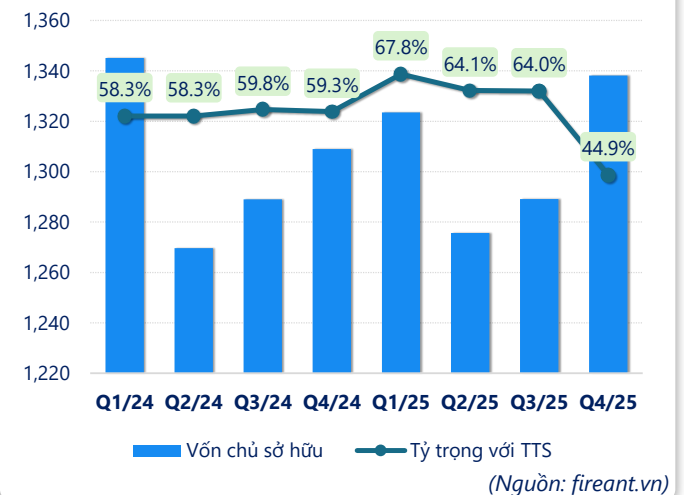
tỷ VNĐ

Nợ vay

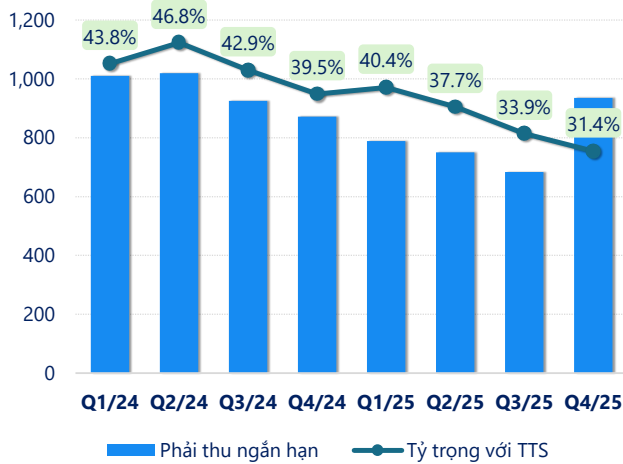


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

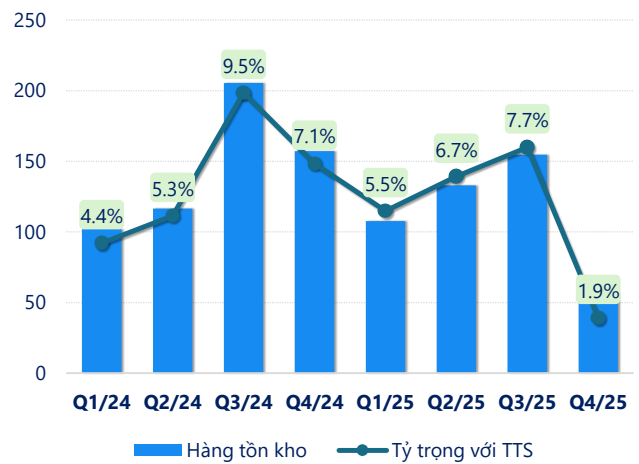


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


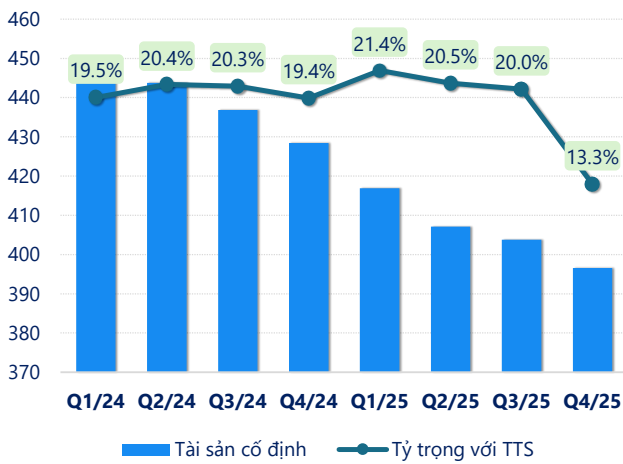
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


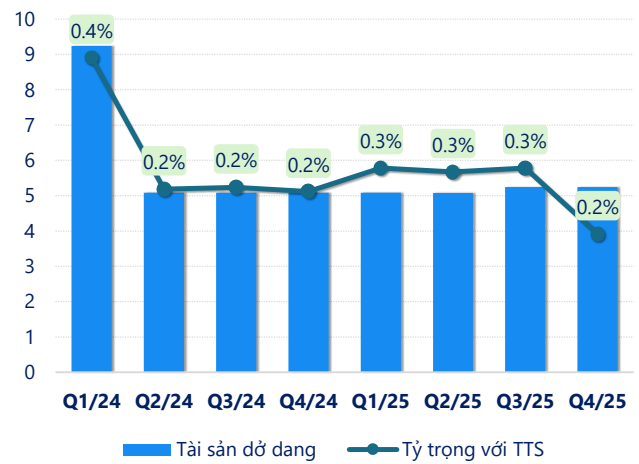
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

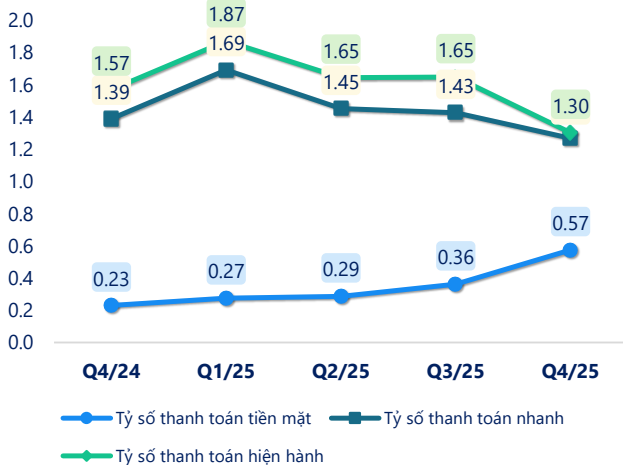
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

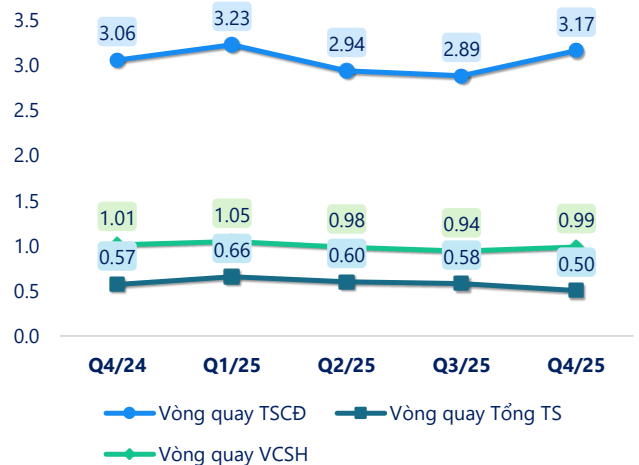
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,206	1,951	1,989	2,015	2,978
Tài sản ngắn hạn	1,365	1,123	1,128	1,150	2,104
Tiền và tương đương tiền	200	165	197	252	928
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103	36.5	25.5	37.5	183
Phải thu ngắn hạn	872	789	750	684	936
Hàng tồn kho	157	108	133	155	56.1
Tài sản ngắn hạn khác	33.1	25.0	22.8	22.0	1.61
Tài sản dài hạn	841	828	861	865	874
Phải thu dài hạn	2.30	2.17	2.04	1.19	0.52
Tài sản cố định	428	417	407	404	397
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.08	5.08	5.08	5.25	5.25
Đầu tư tài chính dài hạn	399	399	441	446	451
Tài sản dài hạn khác	6.61	5.64	5.28	9.04	20.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	897	628	713	726	1,640
Nợ ngắn hạn	869	600	686	698	1,615
Vay và nợ thuê ngắn hạn	141	123	97.9	89.7	81.2
Phải trả người bán ngắn hạn	363	194	190	214	197
Nợ dài hạn	28.5	27.9	27.7	28.4	25.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,309	1,324	1,276	1,289	1,338
Vốn chủ sở hữu	1,309	1,323	1,276	1,289	1,338
Vốn điều lệ	675	675	675	675	675
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05

(Nguồn: fireant.vn)